TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày: 06 - 01 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Thanh Hoàng;

- Ông Nguyễn Huy Cường.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Hiếu, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Chi, Kiểm sát viên.

Vào các ngày 04 và 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2021 về "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (hụi*) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2022, Thông báo mở lại phiên tòa số 10/TB-MLPT ngày 04 tháng 10 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2022/QDDST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 11/TB-MLPT ngày 13 tháng 12 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1967, nơi cư trú: tổ 06, khóm XH, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh AG; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Ngọc P, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp AT, thị trấn HB, huyện CM, tỉnh AG; là đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 04/01/2023; có mặt tại phiên tòa và vắng mặt khi tuyên án.

Bị đơn: Bà Hà Thị Diệu H, sinh năm 1963, nơi cư trú: tổ 01, khóm XH, thị trấn TB, tỉnh AG; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lương Tường H1, Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên An Gia thuộc

Đoàn luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: tổ 17, ấp VL, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh AG; có mặt tại phiên tòa và vắng mặt khi tuyên án.

Người làm chứng:

- Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1960, nơi cư trú: tổ 16, ấp ST, xã TS, huyện TB, tỉnh AG; có mặt.

- Bà Phạm Thị Thu S, sinh năm 1968, nơi cư trú: tổ 07, ấp TT, xã TS, huyện TB, tỉnh AG; có mặt.

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1976, nơi cư trú: tổ 02, ấp TB, xã AN, huyện TB, tỉnh AG; có mặt.

- Bà Hà Thị M, sinh năm 1975, nơi cư trú: khóm XH, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh AG; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Diệu H2, sinh năm 1976, nơi cư trú: khóm XB, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh AG; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Hải D1, sinh năm 1986, nơi cư trú: khóm XH, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh AG; vắng mặt.

- Bà Đỗ Thị Kim D2, sinh năm 1968, nơi cư trú: khóm XP, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh AG; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1986, nơi cư trú: khóm XB, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh AG; vắng mặt.

- Bà Đào Minh Y, sinh năm 1980, nơi cư trú: khóm TH, thị trấn NB, huyện TB, tỉnh AG; vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày: Ngày 15/7/2019 âm lịch (viết tắt là âl) bà T có tham gia dây hụi do bà H làm chủ, với tên "C T", cụ thể: Một phần hụi là 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 15/7/2019 âl, gồm 34 phần, bà T tham gia 04 phần, đã góp hụi được 22 lần với số tiền: 5.000.000 đồng x 22 lần x 4 phần = 440.000.000 đồng.

Đến ngày 15/4/2021 âl, bà T có nhu cầu lĩnh hụi nên thông báo cho bà H biết thì bà H hẹn đến tháng 7, 8 âl năm 2021 sẽ sắp xếp cho bà T lĩnh hụi; sau đó, giữa bà T với bà H xảy ra mâu thuẫn nên từ tháng 4/2021 âl, bà T không tiếp tục góp hụi cho bà H và đến tháng 7, 8 năm 2021âl, bà H cũng không giao tiền hụi cho bà T như đã hứa. Bà T đồng ý trừ tiền hoa hồng hụi cho bà H là 20.000.000 đồng và khấu trừ 6.000.000 đồng mà bà T còn nợ bà H ở dây hụi khác; yêu cầu bà H có trách nhiệm trả cho bà T số tiền hụi còn nợ là 414.000.000 đồng.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hà Thị Diệu H trình bày: Bà T có tham gia hụi do bà làm chủ như bà T trình bày, cụ thể: Một phần hụi là 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 15/7/2019 âl, gồm 34 phần, hoa hồng của mỗi kỳ hụi là 2.500.000 đồng, bà T tham gia 04 phần, bà T đã góp hụi từ ngày mở hụi

(15/7/2019 âl) đến kỳ hụi tháng 3/2021 âl, tổng cộng góp được 22 lần, đến kỳ hụi tháng 4/2021 âl thì ngưng cho đến nay. Trong thời gian góp hụi, bà T có đăng ký lĩnh hụi vào kỳ hụi tháng 11/2020 âl và kỳ hụi tháng 02/2021 âl, bà H đã giao đủ tiền lĩnh hụi của 02 kỳ hụi này cho bà T. Sau khi bà T ngưng góp hụi từ kỳ hụi tháng 4/2021 âl thì bà H vẫn tiếp tục góp hụi thay cho bà T. Dây hụi này kết thúc vào ngày 15/4/2022 âl, tại thời điểm kết thúc dây hụi số tiền bà T được nhận 02 phần hụi còn lại là 315.000.000 đồng, trừ đi số tiền bà đã góp hụi thay cho bà T 11 lần (tính đến thời điểm kết thúc dây hụi) là 226.000.000 đồng, số tiền bà T còn nhận lại cuối kỳ hụi là 89.000.000 đồng. Trong số tiền 226.000.000 đồng, có 6.000.000 đồng là tiền bà T nợ hụi bà H ở dây hụi khác. Bà H chỉ đồng ý trả cho bà T 89.000.000 đồng tương ứng với 01 phần hụi còn nợ của bà T để kết thúc dây hụi này.

Người làm chứng bà Huỳnh Thị K, Phạm Thị Thu S cùng trình bày: Ngày 18/3/2012 âl, khi bà K, bà S cùng bà T ngồi uống cà phê tại quán Sen Hồng, thị trấn Nhà Bàng thì bà H điện thoại cho bà T để qua gom tiền hụi nhưng bà T yêu cầu bà H đến quán cà phê để lấy tiền. Lát sau, bà H lại quán cà phê gom tiền, khi đó giữa bà H với bà T có trao đổi qua lại, cụ thể, bà T nói *"tôi có 4 đầu mà bà không cho tôi hốt đầu nào"* thì bà H trả lời *"thôi chị đóng đi rồi về tôi sắp lại"*.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn D trình bày: Ngày 29/5/2021, ông đang ở nhà bà T thì chứng kiến sự việc bà H, bà T xảy ra cự cãi, bà T nói bà còn 04 đầu hụi bà H hứa qua Tết cho bà T hốt mà tới bây giờ chưa có, bà T hỏi bà H khi nào cho bà T hốt trước 02 đầu hụi thì bà H xé tấm lịch ghi vào, bà T hỏi tiếp còn 02 đầu nữa bao giờ bà H cho bà T hốt thì ghi vào tấm lịch luôn; khi đó, bà H nổi nóng chửi bà T, nói không gom hụi của bà T nữa, bà H với bà T cãi nhau, bà H đập điện thoại thì được can ngăn ra khỏi nhà bà T, khi này bà H lấy đá ném vào nhà bà T, chửi bà T và nói sẽ giựt hụi của bà T, nói bà T đi kiện cũng không ai xử, khi đó xung quanh nhà bà T có nhiều người đứng xem, chứng kiến. Bà T nói sẽ báo Công an vì bà H ném đá vào nhà bà T, nghe vậy, bà H lên xe chạy đi.

Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải theo quy định, nhưng hòa giải không thành.

Tại phiên tòa ngày 24/10/2022, bị đơn bà H cung cấp tài liệu chứng cứ là các tờ nhân chứng có chữ ký tên của những người làm chứng: Đỗ Thị Kim D2, Nguyễn Thị Ngọc T1, Nguyễn Thị Hải D1, Nguyễn Thị Diệu H2, Đào Minh Y, Hà Thị M, Đặng Thị Ngọc Phương; đồng thời, đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để thu thập, bổ sung chứng cứ triệu tập lấy lời khai những người làm chứng do bị đơn cung cấp để đảm bảo tính khách quan trong nội dung mà những người làm chứng đã trình bày trong tờ nhân chứng. Vì vậy, Tòa án đã Quyết định tạm ngừng phiên tòa.

Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 10/11/2022, những người làm chứng Hà Thị M, Nguyễn Thị Diệu H2, Nguyễn Thị Hải D1, Đỗ Thị Kim D2, Nguyễn Thị Ngọc T1, Đào Minh Y cùng trình bày: các bà cùng là hụi viên trong dây hụi đang tranh chấp giữa bà T với bà H, không biết việc giao nhận tiền hụi giữa bà T với bà H; bà H chưa từng thiếu hụi của các bà, lần nào đến lượt hốt hụi cũng đưa đầy đủ; khi giao nhận tiền hụi, giữa bà H với các bà chưa bao giờ làm giấy giao

nhận, chỉ có bà H ghi tên tờ giấy số tiền được hốt (lĩnh), ngày hốt (lĩnh), tổng người chơi, tổng người hụi chết (hụi đã lĩnh), tổng người hụi sống (hụi chưa lĩnh), tiền cò (hoa hồng). Bà D1, bà T1 có nghe bà H nói lại, khi thu tiền hụi của bà T thường hay cãi vã, rất khó thu tiền, bà T không đưa tiền đàng hoàng cho bà H. Bà D2 có nghe bà H nói lại, bà H với bà T cãi vã về việc gom tiền hụi và đập vỡ điện thoại.

Tại biên bản ghi nhận lời khai ngày 23/12/2022, nguyên đơn bà T trình bày: Theo đơn khởi kiện, bà yêu cầu bà H trả nợ hụi 440.000.000 đồng, xác định số hụi thực tế bà góp cho bà H đối với 04 phần hụi đang tranh chấp là 328.000.000 đồng; đồng ý khấu trừ 6.000.000 đồng mà bà T nợ hụi bà H ở dây hụi khác; yêu cầu bà H trả nợ hụi 322.000.000đồng, rút lại yêu cầu đối với số tiền 118.000.000đồng; yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ hụi 322.000.000đồng từ ngày khởi kiện (03/11/2021) đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Tại phiên tòa,

- Hội đồng xét xử công bố tài liệu, chứng cứ mới thu thập sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử: Bản tự khai không ghi ngày tháng của bị đơn Hà Thị Diệu H nộp (Tòa án nhận ngày 04/11/2022); Biên bản ghi nhận ý kiến những người làm chứng Hà Thị M, Nguyễn Thị Diệu H2, Nguyễn Thị Hải D1, Đỗ Thị Kim D2, Nguyễn Thị Ngọc T1, Đào Minh Y cùng ngày 10/11/2022; Biên bản ghi nhận lời khai bà Huỳnh Thị T ngày 23/12/2022.

- Nguyên đơn bà T, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông P xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm; thống nhất với các tài liệu chứng cứ mới mà Hội đồng xét xử công bố. Ông P, bà T cùng trình bày: số tiền hụi nguyên đơn đã thực góp là 328.000.000 đồng, còn số tiền 112.000.000 đồng là tiền lãi hụi do các hụi viên tự ấn định, chịu trách nhiệm thực hiện và không ai tranh chấp; bà H đã thu số tiền này từ các hụi viên khác nên phải có trách nhiệm trả lại cho bà T. Do đó, nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà H có trách nhiệm trả tiền nợ hụi bà T thực góp và tiền lãi hụi mỗi kỳ, tổng cộng là 440.000.000 đồng, tương đương 22 lần hụi sống nguyên đơn đã góp từ ngày 15/7/2019 âl đến ngày 15/3/2021 âl; chỉ đồng ý khấu trừ hoa hồng hụi trên 04 phần hụi bà T tham gia là 10.000.000 đồng và 6.000.000 đồng bà T nợ hụi bà H ở dây hụi khác nên yêu cầu bà H có trách nhiệm trả nợ tiền hụi và tiền lãi hụi là 424.000.000 đồng cho bà T.

- Bị đơn bà H trình bày lời khai, ý kiến như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm; thống nhất với các tài liệu chứng cứ mới mà Hội đồng xét xử công bố; xác định Bản tự khai không ghi ngày tháng của bị đơn là của bà nộp cho Tòa án vào ngày 04/11/2022. Bà H làm chủ hụi và nhận hoa hồng hụi mỗi kỳ là 2.500.000 đồng, không nhận lãi hụi từ bà T và các hụi viên, lãi hụi do các hụi viên tự ấn định và thực hiện với nhau. Bà H xác định chỉ còn nợ và đồng ý trả cho bà T 89.000.000 đồng tiền hụi; đồng ý việc bà T khấu trừ hoa hồng hụi

10.000.000 đồng và 6.000.000 đồng tiền bà T nợ tiền hụi của bà H ở dây hụi khác đã kết thúc.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn - Luật sư Lương Tường Huy trình bày:

Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi lẽ: nguyên đơn đã nhận đủ số tiền lĩnh hụi 02 kỳ tháng 11/2020 âl và tháng 02/2021 âl từ phía bị đơn giao; theo tập quán chơi hụi thì việc giao, nhận tiền hụi giữa các bên không được lập thành biên nhận nên bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng minh. Về hình thức văn bản thỏa thuận giao dịch hụi giữa các bên không được thực hiện đúng theo quy định nên không phát sinh hiệu lực. Bên cạnh đó, Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu phường (sau đây viết tắt là Nghị định số 19/2019/NĐ-CP) không quy định trách nhiệm của chủ hụi phải hoàn trả tiền lãi cho hụi viên nếu hụi viên khởi kiện; do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bà H phải trả tiền nợ hụi và lãi 440.000.000 đồng là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không tính lãi chậm trả do nguyên đơn không yêu cầu; bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 89.000.000 đồng.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà T đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà H đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng khác gồm: người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên tòa của các đương sự, thấy rằng: bà T, bà H cùng thống nhất, bà T có tham gia dây hụi có lãi, lãi hụi do chủ hụi ấn định, chủ hụi hưởng hoa hồng mỗi kỳ hụi là 2.500.000 đồng, hụi 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 15/7/2019 âl, gồm 34 phần, bà T tham gia 04 phần, đã đóng hụi từ ngày mở hụi (15/7/2019 âl) đến kỳ hụi 15/3/2021 âl, tổng cộng được 22 lần, đến kỳ hụi thứ 23, ngày 15/4/2021 âl thì bà T ngưng góp hụi và bà H cũng không thu hụi của bà T; số tiền thực tế bà T đã góp hụi là 328.000.000 đồng.

Bà H cho rằng, bà T đã hốt 02 kỳ hụi vào tháng 11/2020 âl và tháng 2/2021 âl và bà đã giao đủ tiền cho bà T nhưng không ai chứng kiến, những người làm chứng bà H cung cấp có lời khai không chứng kiến việc bà H giao tiền hụi cho bà T. Bên cạnh đó, tại bản kê số tiền hụi do bà H tự kê và giao nộp cho Tòa án thể hiện tại kỳ hụi

tháng 11/2020 âl và tháng 02/2021 âl bà T vẫn đóng đủ số tiền hụi của 04 phần hụi nên việc bà H cho rằng đã giao đủ 02 kỳ hụi cho bà T là không có căn cứ; từ đó, yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa, bà T, bà H thống nhất khấu trừ tiền hoa hồng 04 phần hụi là 10.000.000 đồng và 6.000.000 đồng tiền bà T nợ bà H từ dây hụi khác đã kết thúc nên công nhận để các bên thực hiện.

Về yêu cầu lãi hụi 112.000.000 đồng, bà H làm chủ hụi nhận hoa hồng, không nhận lãi hụi từ bà T, tiền lãi hụi này là giữa các hụi viên với nhau nên không có cơ sở chấp nhận theo yêu cầu của bà T. Bà T, ông P không yêu cầu bà H phải trả phần lãi chậm giao hụi cho bà T nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 10, 15 và Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà H trả cho bà T số tiền góp hụi là 328.000.000 đồng; khấu trừ số tiền hoa hồng 04 phần hụi là 10.000.000 đồng và 6.000.000 đồng tiền bà T nợ bà H từ dây hụi khác đã kết thúc vào số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Không chấp nhận yêu cầu bị đơn trả lãi hụi 112.000.000 đồng của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy:

* *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Hà Thị Diệu H trả nợ hụi và lãi nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi. Bà H đang cư trú trên địa bàn huyện Tịnh Biên nên yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở, những người làm chứng Hà Thị M, Nguyễn Thị Diệu H2, Nguyễn Thị Hải D1, Đỗ Thị Kim D2, Nguyễn Thị Ngọc T1, Đào Minh Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; tuy nhiên, trước đó các bà M, H2, D1, D2, T1, Y đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người làm chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách của người tham gia tố tụng khác: Trước khi phiên tòa được mở, ông Trần Ngọc P tham gia tố tụng với tư cách người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T. Ngày 03/01/2023, Tòa án nhận được Công văn số 19/CV.BCN-2022 ngày 30/12/2022 của Đoàn Luật sư tỉnh An Giang cho biết Luật sư Trần Ngọc P không đủ điều kiện tham gia vụ án với tư cách người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Tại phiên tòa, bà

T xác định không yêu cầu Luật sư P tiếp tục bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà và cung cấp giấy ủy quyền ngày 04/01/2023 được lập tại Văn phòng Công chứng Võ Duy Thế; theo đó, bà T ủy quyền cho ông P đại diện tham gia tố tụng đối với vụ án. Xét, đây là quyền tự định đoạt của các đương sự; do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận ông Trần Ngọc P tham gia vụ án với tư cách người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị T.

[4] Tại phiên tòa, bà T yêu cầu bà H có trách nhiệm trả nợ hụi theo thỏa thuận hụi giữa các bên với số tiền 440.000.000 đồng (5.000.000 đồng/1 phần hụi x 22 lần x 4 phần = 440.000.000 đồng), tương đương 22 lần hụi chưa lĩnh mà bà T đã góp từ ngày 15/7/2019 âl đến ngày 15/3/2021 âl; đồng ý khấu trừ hoa hồng hụi trên 04 phần hụi là 10.000.000 đồng và 6.000.000 đồng tiền bà T nợ hụi bà H ở dây hụi khác; yêu cầu bà H có trách nhiệm trả nợ hụi và lãi hụi là 424.000.000 đồng. Bị đơn không có yêu cầu phản tố trong vụ án nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[5] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Bà T, bà H cùng thừa nhận, bà T có tham gia dây hụi do bà H làm chủ, một phần hụi là 5.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 15/7/2019 âl, gồm 34 phần, kết thúc dây hụi vào ngày 15/3/2022 âl, hoa hồng của mỗi kỳ hụi là 2.500.000 đồng, bà T tham gia 04 phần, bà T đã đóng hụi từ ngày mở hụi đến kỳ hụi ngày 15/3/2021 âl được 22 lần với số tiền 328.000.000 đồng; đến kỳ hụi ngày 15/4/2021 âl thì các bên xảy ra mâu thuẫn nên bà H không tiếp tục thu tiền hụi của bà T và bà T cũng không tiếp tục góp hụi cho bà H cho đến khi dây hụi kết thúc vào ngày 15/3/2022 âl. Tại phiên tòa, bà T đồng ý khấu trừ hoa hồng hụi 10.000.000 đồng và 6.000.000 đồng tiền bà T nợ hụi bà H ở dây hụi khác đã kết thúc, được bà H chấp nhận. Đây là các tình tiết, sự kiện được các đương sự cùng thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/3/2022 (BL 64-65), bị đơn bà H trình bày: *"Tôi thừa nhận từ khi tham gia dây hụi, bà T đã đóng hụi từ ngày khui đến kỳ hụi của tháng 3/2021 âl, tổng cộng là đóng được 22 lần, đến kỳ hụi tháng 4/2021 âl thì ngưng đóng hụi cho đến nay. Trong thời gian góp hụi này, bà T có đăng ký hốt hụi vào kỳ tháng 11/2020 âl và kỳ hụi tháng 02/2021 âl, tôi đã giao đủ tiền hốt hụi của 02 kỳ hụi này cho bà T. Sau khi đã hốt hụi xong, bà T đề nghị tiếp tục được hốt hụi, lúc này tôi có viết trên tờ giấy lịch là cho bà T hốt vào kỳ hụi tháng 7 và tháng 8/2021 âl. Nhưng sau đó, giữa tôi và bà T xảy ra mâu thuẫn nên tôi không có cho bà T hốt hụi vào 2 kỳ hụi này, mà tôi giao cho người khác hốt hụi"*.

Tại Biên bản đối chất ngày 18/7/2022 (BL 54), bà H trình bày: *"Tôi đã giao 02 lần tiền hụi cho bà T, không có người chứng kiến, không có ký giấy tờ văn bản xác nhận nào về việc giao tiền vì xưa nay tôi làm việc uy tín, chưa phải giấy tờ bao giờ. Bà T còn lại 2 lần hốt hụi"*. Sau khi trình bày ý kiến, giữa bà H

và bà T xảy ra mâu thuẫn dẫn đến buổi đối chất không thực hiện được, bà H không ký tên vào biên bản đối chất.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã ban hành thông báo số 184/TB-TA ngày 14/6/2022, về việc yêu cầu bà H cung cấp, bổ sung tài liệu, chứng cứ chứng minh việc nguyên đơn bà T đã đăng ký lĩnh hụi vào kỳ hụi tháng 11/2020 âl và kỳ hụi tháng 02/2021 âl; việc giao, nhận tiền lĩnh hụi của 02 kỳ hụi này như ý kiến mà bà H đã trình bày nhưng bà H không cung cấp được theo yêu cầu của Tòa án.

Lời khai của những người làm chứng bà H cung cấp gồm: Hà Thị M, Nguyễn Thị Diệu H2, Nguyễn Thị Hải D1, Đỗ Thị KimD2, Nguyễn Thị Ngọc T1, Đào Minh Y cùng xác định: *"các bà cùng là hụi viên trong dây hụi đang tranh chấp giữa bà T với bà H, không biết việc giao nhận tiền hụi giữa bà T với bà H"*.

Bị đơn bà H cho rằng, trong khoảng thời gian góp hụi, bà T có đăng ký lĩnh hụi vào kỳ hụi tháng 11/2020 âl và tháng 02/2021 âl, bà H đã giao đủ tiền lĩnh hụi của 02 kỳ hụi này cho bà T. Tuy nhiên, theo Bản tự khai của bị đơn không ghi ngày tháng năm được bà H xác định nộp cho Tòa án vào ngày 04/11/2022 thể hiện, bà H liệt kê số tiền hụi bà T đã góp theo từng tháng, trong đó: kỳ hụi ngày 15/10/2020 âl đến kỳ hụi ngày 15/3/2021 âl bà T đều góp 04 phần hụi mỗi tháng là 4.000.000 đồng x 4 =16.000.000 đồng. Điều này mâu thuẫn với lời trình bày của bà H về việc đã giao đủ tiền lĩnh hụi của 02 kỳ hụi tháng 11/2020 âl và tháng 02/2021 âl cho bà T; bởi lẽ theo quy luật, khi bà T đã lĩnh hụi (hụi chết) thì phải đóng đủ số tiền 5.000.000 đồng/01 phần/tháng. Số tiền bà T góp 4 phần hụi tại các kỳ từ ngày 15/11/2020 âl đến kỳ hụi ngày 15/3/2021 tức sau các kỳ hụi tháng 11/2020 âl và kỳ hụi tháng 02/2021 âl mà bà H cho rằng bà T đã lĩnh, là 16.000.000 đồng, tương đương số tiền phải đóng 01 phần hụi chưa lĩnh (hụi sống) là 4.000.000 đồng/01 phần/01tháng; không có phần hụi nào bà T phải đóng 5.000.000 đồng/01 phần/01 tháng (hụi đã lĩnh: hụi chết). Ngoài ra, lời trình bày trên của bà H không được bà T thừa nhận và bà H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày của bà H về việc đã giao đủ tiền lĩnh hụi của 02 kỳ tháng 11/2020 âl và tháng 02/2021 âl cho bà T.

Vì vậy, có căn cứ xác định, bà T có tham gia dây hụi đang tranh chấp do bà H làm chủ và bà H còn nợ bà T tiền góp hụi 328.000.000 đồng.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, bà T, bà H cùng xác định dây hụi đang tranh chấp là hụi hưởng hoa hồng, có lãi, chủ hụi hưởng hoa hồng hụi mỗi kỳ là 2.500.000 đồng, lãi hụi do các hụi viên tự đưa ra để được lĩnh hụi hoặc do bà H ấn định. Bà T yêu cầu bà H trả tiền số tiền hụi là 440.000.000 đồng trong đó: 328.000.000 đồng là tiền thực góp hụi và 112.000.000 đồng là tiền lãi hụi, bà H đã thu từ các hụi viên khác.

Theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP thì hụi có lãi là hụi mà thành viên được lĩnh hụi nhận các phần hụi khi đến kỳ mở hụi và phải trả lãi cho các thành viên khác.

Tại điểm d khoản 2 Điều 15 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP quy định về quyền của thành viên thì thành viên trong hụi có lãi được hưởng lãi từ thành viên lĩnh hụi.

Tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP quy định về nghĩa vụ của thành viên thì thành viên trong hụi có lãi phải trả lãi cho các thành viên chưa lĩnh hụi khi được lĩnh hụi.

Từ những căn cứ pháp luật như trên, có cơ sở xác định các thành viên tham gia chơi hụi có lãi được hưởng lãi từ thành viên lĩnh hụi, không hưởng lãi từ chủ hụi; cụ thể: số tiền 112.000.000 đồng tiền lãi hụi bà H không được nhận. Vì vậy, việc bà T yêu cầu bà H trả 112.000.000 đồng tiền lãi hụi là không có cơ sở chấp nhận.

Bà T, bà H phát sinh mâu thuẫn từ kỳ hụi ngày 15/4/2021 âl và bà H không tiếp tục thu tiền hụi của bà T, bà T cũng không tiếp tục góp hụi cho bà H cho đến khi dây hụi kết thúc vào ngày 15/3/2022 âl. Như vậy, bà H không thực hiện đúng quyền chủ hụi; bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ của hụi viên, tự rút khỏi dây hụi khi chưa lĩnh hụi. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP thì bà T được nhận lại các phần hụi đã góp tại thời điểm kết thúc dây hụi.

Tại phiên tòa, ông P, bà T cùng xác định không yêu cầu bị đơn trả lãi suất chậm trả từ thời điểm kết thúc dây hụi đến khi xét xử; do đó, Hội đồng xét xử không xem xét nội dung này.

Các đương sự đồng ý khấu trừ tiền hoa hồng hụi 10.000.000 đồng và 6.000.000 đồng tiền bà T nợ hụi của bà H ở dây hụi khác đã kết thúc nên số tiền nợ hụi bà H phải trả cho bà T là:

328.000.000 đồng – 16.000.000 đồng = 312.000.000 đồng.

Căn cứ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 4, 10, 15, 16, 17 và Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà H trả cho bà T số tiền nợ hụi là 312.000.000 đồng; không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với số tiền nợ lãi hụi là 112.000.000 đồng (440.000.000 đồng – 16.000.000 đồng – 312.000.000 đồng).

[7] Đối với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử đã nêu ở trên nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho bà T là 15.600.000 đồng.

Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5.600.000 đồng đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 10.400.000 đồng; bà T được nhận lại số tiền chênh lệch là 4.800.0000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 147 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 4, 10, 15, 16, 17 và Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường;

- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T.

Buộc bà Hà Thị Diệu H có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị T số nợ hụi *312.000.000 (ba trăm mười hai triệu) đồng*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T đối với số tiền *112.000.000 (một trăm mười hai triệu) đồng*.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hà Thị Diệu H phải chịu *15.600.000 (mười lăm triệu, sáu trăm nghìn) đồng* án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị T phải chịu 5.600.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.400.000đồng mà bà T đã nộp; bà T được nhận lại số tiền chênh lệch là *4.800.000 (bốn triệu, tám trăm nghìn) đồng* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007426 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên cấp ngày 03 tháng 11 năm 2021.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Huỳnh Thị T, bà Hà Thị Diệu H có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tịnh Biên (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phí Thị Phương Nhung